

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thạch Út

2/ Ông Ngô Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Tôn Phạm Thị Xuân N, sinh năm: 1994 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 22, ấp H, TT A, huyện C, An Giang.

Hiện ngụ: Số 618, tổ 22, ấp Bình T, xã Hòa A, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn:* Anh Cao Tuấn A, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 22, Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Cao Minh T, sinh năm: 1963

Bà Lê Thị Thúy Asinh năm: 1964

Nơi cư trú: Tổ 22, Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 27/5/2019, biên bản hòa giải ngày 12/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tôn Phạm Thị Xuân N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2014 hôn nhân do quen biết, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại xã H. Vợ chồng anh chị sống êm ấm được 1 năm, thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Anh Cao Tuấn A không có nghề nghiệp ổn định, sử dụng các chất kích gây nghiện (ma túy đá) nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ tháng 5 năm 2015 vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Tuấn A.

- Về con chung: có 01(một) con chung tên Cao Thế V , sinh ngày 5/10/2014. Hiện con đang sống chung với ông bà nội là ông Cao Minh T và bà Lê Thị Thúy Á (do anh A đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An Trà huyện Tri Tôn). Sau ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh A nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Cao Tuấn A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Cao Tuấn A theo đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang và nơi anh A đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An T , huyện T. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An Trà, Tri Tôn) cùng ngày 7/2/2020. Anh A trình bày: Về hôn nhân là anh và chị N kết hôn vào năm 2014, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh A cũng đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung: có 01 con chung tên là Cao Thế V , sinh năm 2008, anh yêu cầu nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh T và bà Lê Thị Thúy Á . Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 12/08/2019 ông Cao Minh T trình bày: A là con trai của ông bà. Việc chị Tôn Phạm Thị Xuân N yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Tuấn A thì ông bà không có ý kiến, do anh A đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An T, huyện Tri Tôn nên không về tham dự hòa giải và phiên tòa được, nhưng cũng gửi bản tự khai đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung: A và N có 01 con chung tên là Cao Thế V , sinh năm: 2014 hiện cháu V đang sống với vợ chồng ông bà từ nhỏ. Nay A và N ly hôn thì A yêu cầu nuôi con, không yêu cầu N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại ông bà đang nuôi cháu V cho A , sau này khi A về vợ chồng ông bà đồng ý giao cháu V lại cho A

nuôi dưỡng. Vợ chồng ông bà thông nhất không yêu cầu A và N trả chi phí nuôi dưỡng cháu Vinh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về thủ tục:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ con chung: Anh A được nuôi dưỡng cháu V (Hiện để tạm cho ông T, bà Á chăm sóc thay cho A, khi nào anh A về ông T, bà Á giao cháu V cho A) chị N không cấp dưỡng nuôi cháu Vinh. Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn anh Cao Tuấn A đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Cao Tuấn A theo đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang và nơi anh A đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn và anh A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh T và Lê Thị Thúy Á đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Cao Minh T và bà Lê Thị Thúy Á có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Tuấn A và ông Lê Thị Thúy Á theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Phạm Thị Xuân N và anh Cao Tuấn A kết hôn vào năm 2014, hôn nhân do quen biết có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị N trình bày thời gian đầu chị và anh A chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì chị và anh A phát sinh mâu thuẫn, anh A bị cai nghiện. Vợ chồng luôn bất hòa không hạnh phúc. Từ năm 2015 chị và anh A ly thân cho đến nay. Xét về mối quan hệ hôn nhân Hội đồng xét xử nhận thấy: Với khoảng thời gian ngắn chung sống thì giữa chị N và anh A đã phát sinh mâu thuẫn, song hai bên không có biện pháp cũng như không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Trước phiên tòa hôm nay chị N một mực kiên quyết xin ly hôn. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt (có

xác nhận của cơ quan cơ sở cai nghiện, ma túy ở xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn cùng ngày 7/2/2020 anh Acũng yêu cầu xin được ly hôn với chị N. Xét về khả năng đoàn tụ không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Thế V , sinh năm: 2014 Hiện cháu V đang sống với ông bà nội là ông Cao Minh T và bà Lê Thị Thúy Á (do anh A đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tại xã Lương An Trà huyện Tri Tôn). Sau khi ly hôn chị đồng ý để cháu V cho anh A nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại bản tự khai ngày 7/2/2020 anh Acũng yêu cầu nuôi cháu V . Hiện tại cháu V được ông Tuấn, bà Á chăm sóc chu đáo, ổn định, ông bà cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu V thay cho anh A , khi nào anh A về thì ông bà giao trả cháu V lại cho A chăm sóc. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để cháu V cho anh A nuôi dưỡng (ông Cao Minh T và bà Lê Thị Thúy Á đồng ý nuôi dưỡng cháu V thay cho anh A khi nào anh A chấp hành án xong thì ông T, bà Á có trách nhiệm giao trả cháu V lại cho A chăm sóc). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và ông T , bà Á cũng không yêu cầu chi phí nuôi dưỡng cháu V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Tôn Phạm Thị Xuân N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tôn Phạm Thị Xuân N. Cho ly hôn giữa chị Tôn Phạm Thị Xuân N và anh Cao Tuấn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 58 /KH, ngày 25/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Anh Cao Tuấn A được nuôi dưỡng cháu Cao Thế V sinh năm: 2014 (Khi nào anh A chấp hành án xong cai nghiện bắt buộc thì ông T , bà Á có trách nhiệm giao trả cháu V lại cho A chăm sóc). Chị Tôn Phạm Thị Xuân N

không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Cao Minh T, bà Lê Thị Thúy A anh Cao Tuấn A phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Tôn Phạm Thị Xuân N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tôn Phạm Thị Xuân N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014346 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Tôn Phạm Thị Xuân N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2020). Ông Cao Minh T, bà Lê Thị Thúy A anh Cao Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung